

KẾ HOẠCH

Phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045; Quyết định số 1368/QĐ-BNN-CN ngày 01/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045; Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 05/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025,

Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Kế hoạch Phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển bền vững và nâng cao sức cạnh tranh của ngành chăn nuôi. Phấn đấu đến năm 2030, sản xuất chăn nuôi của Sóc Trăng thuộc nhóm các tỉnh có hoạt động chăn nuôi theo hướng quy mô trang trại và trang trại công nghệ cao trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

- Nâng cao tỷ lệ sản phẩm chăn nuôi hàng hóa được sản xuất chủ yếu trong các trang trại, hộ chăn nuôi bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học, thân thiện với môi trường, đáp ứng yêu cầu chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong và ngoài tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng vùng chăn nuôi theo hướng áp dụng quy trình thực hành chăn nuôi tốt; đến năm 2030, phấn đấu phát triển các loại hình chăn nuôi với quy mô trang trại, chăn nuôi gia công đạt từ 40 đến 60%.

- Sản lượng thịt xẻ các loại: Đến năm 2025, đạt từ 54 đến 60 nghìn tấn (trong đó, thịt heo từ 55 đến 57%, thịt gia cầm từ 30% đến 33%, thịt gia súc ăn cỏ từ 7 đến 10%); phấn đấu đến năm 2030, sản lượng thịt các loại đạt từ 61 đến 65 nghìn tấn (trong đó, thịt heo từ 45 đến 50%, thịt gia cầm từ 34 đến 36%, thịt gia súc ăn cỏ 11 đến 14%).

- Sản lượng trứng: Đến năm 2025, đạt từ 350 đến 400 triệu quả/năm; phấn đấu đến năm 2030, đạt khoảng 410 đến 450 triệu quả/năm.

- Tỷ trọng gia súc và gia cầm được giết mổ tập trung công nghiệp đạt tương ứng: Đến năm 2025, đạt khoảng 10% gia súc, 5% gia cầm; phân đầu đến năm 2030, đạt khoảng 15% gia súc và 10% gia cầm.

- Phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, an toàn sinh học, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và vệ sinh môi trường.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN 2045

1. Định hướng phát triển chăn nuôi đến năm 2030

a) Phân đầu phát triển đàn heo, đàn bò thịt, bò sữa chăn nuôi theo hướng trang trại công nghiệp, trang trại công nghệ cao với các giống cao sản và giống địa phương có tính tiềm năng

- Tổng đàn heo có mặt thường xuyên từ 400 nghìn con; trong đó, đàn heo nái từ 15 đến 20 nghìn con; giống nái cụ kỵ, ông bà và nái bố mẹ, đàn heo được nuôi ở trang trại chiếm 60 đến 80%.

- Tổng đàn trâu có mặt thường xuyên từ 2 nghìn con; trong đó, khoảng 8 đến 10% được nuôi từ các trang trại quy mô nhỏ, đàn trâu còn lại được nuôi theo hộ gia đình.

- Tổng đàn bò thịt luôn duy trì từ 105 nghìn con; trong đó, khoảng 10 đến 15% được nuôi từ các trang trại quy mô vừa, còn lại chăn nuôi theo quy mô nhỏ.

- Đàn bò sữa đạt quy mô từ 12 nghìn con; trong đó, khoảng 70 đến 80% liên kết với các hợp tác xã nông nghiệp, đàn bò sữa còn lại được nuôi theo quy mô nông hộ.

- Sản lượng sữa đạt từ 20 nghìn tấn vào năm 2025 và 22 nghìn tấn vào năm 2030.

b) Phát triển chăn nuôi gia cầm theo hướng công nghiệp và công nghệ cao

- Tổng đàn gà dao động từ 08 triệu con (trong đó, khoảng 40 đến 50% được nuôi theo hướng công nghiệp và khoảng 10 đến 15% nuôi theo hướng công nghệ cao).

- Tổng đàn vịt dao động từ 1,2 triệu con (trong đó, khoảng 2 đến 4% được nuôi theo hướng công nghiệp, đàn vịt còn lại được nuôi theo hướng mùa vụ và theo hướng chạy đồng).

c) Duy trì đàn dê ở quy mô từ 11,1 nghìn con (trong đó, khoảng 90 đến 100% là giống dê lai hướng thịt), được nuôi tại các cơ sở chăn nuôi bán công nghiệp kết hợp với chăn thả có kiểm soát.

d) Động vật nuôi khác

- Sản lượng tổ yến: Đạt từ 21 tấn vào năm 2025 và 25 tấn vào năm 2030.

- Sản lượng mật ong: Đạt từ 1,3 tấn vào năm 2025 và 1,5 tấn vào năm 2030.

đ) Vận động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn hỗn hợp thành phẩm cho gia súc, gia cầm và thủy sản bằng

nguồn thức ăn truyền thống (bắp, khoai, rơm, bã bia, hèm rượu)

Khuyến khích phát triển mạnh công nghiệp sản xuất nguyên liệu, thức ăn bổ sung, nhất là công nghệ sinh học nhằm đáp ứng các chế phẩm sinh học thay thế kháng sinh, hóa chất dùng trong chăn nuôi và tận thu, nâng cao giá trị dinh dưỡng các nguồn phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp chế biến trong tỉnh.

e) Kiểm soát dịch bệnh

- Nâng cao công tác phòng, chống dịch bệnh, phân tích số liệu; dự báo, cảnh báo dịch bệnh.

- Xây dựng kế hoạch, chiến lược, chương trình phòng, khống chế và thanh toán dịch bệnh, nhất là đối với những bệnh nguy hiểm, bệnh lây giữa người và động vật.

- Xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh. Nâng cao năng lực chẩn đoán nhằm phát hiện nhanh và chính xác mầm bệnh.

g) Nâng cao năng lực kiểm soát chất lượng vật tư và an toàn thực phẩm sản phẩm chăn nuôi, nhất là vấn đề kiểm soát ô nhiễm vi sinh, tồn dư chất cấm, lạm dụng kháng sinh và hóa chất trong chăn nuôi, thú y, giết mổ, chế biến thực phẩm.

h) Giết mổ và chế biến sản phẩm chăn nuôi: Chuyển dần phương thức giết mổ, sơ chế và chế biến thủ công, phương tiện vận chuyển thô sơ theo hướng giảm số lượng, tăng quy mô công suất, gắn liền với đời mới dây chuyền thiết bị đồng bộ, công nghệ giết mổ gia súc, gia cầm tiên tiến, đối xử nhân đạo với vật nuôi, đảm bảo vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm.

i) Nâng cao năng lực kiểm soát môi trường trong chăn nuôi, giết mổ và chế biến sản phẩm chăn nuôi đáp ứng các quy định của pháp luật về môi trường. Tất cả các cơ sở chăn nuôi, cơ sở giết mổ, cơ sở chế biến sản phẩm chăn nuôi phải có giải pháp kiểm soát môi trường phù hợp, bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường.

2. Tầm nhìn đến năm 2045

Phấn đấu đến năm 2045, ngành chăn nuôi của tỉnh Sóc Trăng trở thành ngành kinh tế kỹ thuật hiện đại, công nghiệp hóa ở hầu hết các khâu từ sản xuất, chế biến, bảo quản đến kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm, trong đó:

- Trình độ và năng lực sản xuất ngành chăn nuôi Sóc Trăng thuộc nhóm các tỉnh có hoạt động chăn nuôi khá mạnh trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

- Hầu hết sản phẩm chăn nuôi chính (bao gồm thịt, trứng, sữa) được sản xuất trong các cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học và thân thiện với môi trường.

- Khống chế và kiểm soát tốt các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm; bệnh lây nhiễm sang người (cúm gia cầm, dịch tả heo Châu phi, lở mồm long móng, tai xanh).

- Sản phẩm thịt gia súc, gia cầm hàng hóa được cung cấp từ các cơ sở giết mổ tập trung đạt 90%; trong đó, sản phẩm qua sơ chế, chế biến công nghiệp đạt trên 80% khối lượng.

III. NHIỆM VỤ - GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện các nhóm chính sách phát triển chăn nuôi

a) Chính sách đất đai

- Có chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật về đất đai cho các cơ sở giống, cơ sở chăn nuôi trang trại tập trung, công nghiệp đủ điều kiện chăn nuôi an toàn sinh học trong vùng phát triển chăn nuôi, cơ sở giết mổ tập trung, chế biến công nghiệp trong lĩnh vực chăn nuôi, chợ đầu mối.

- Chuyển đổi phần lớn diện tích đất nông nghiệp kém hiệu quả, thu nhập thấp sang trồng cỏ và cây thức ăn theo hướng thâm canh phục vụ cho lĩnh vực chăn nuôi.

b) Chính sách tài chính và tín dụng

- Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:

+ Dự trữ sản phẩm chăn nuôi thiết yếu phù hợp với từng thời kỳ.

+ Xây dựng cơ sở hạ tầng, bao gồm: Đường, điện, nước và xử lý môi trường phục vụ cơ sở sản xuất giống, cơ sở giết mổ, bảo quản, chế biến công nghiệp sản phẩm chăn nuôi thuộc khu vực đã được xác định trong các quy hoạch phát triển.

+ Hàng năm, giám định, bình tuyển, loại thải và thay thế giống vật nuôi không còn hiệu quả trong sản xuất. Đồng thời, hỗ trợ thông qua con giống cho phát triển chăn nuôi đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xã đảo.

+ Đầu tư hạ tầng cơ sở xây dựng các trung tâm hội chợ, chợ đầu mối giới thiệu, tiêu thụ các sản phẩm chăn nuôi; hỗ trợ việc tổ chức hội chợ, triển lãm, hội thi, đấu giá con giống và sản phẩm chăn nuôi.

- Thực hiện có hiệu quả chính sách, ưu đãi thuế đối với hoạt động trong các lĩnh vực của ngành chăn nuôi nhằm tạo điều kiện phát triển chăn nuôi hiện đại, toàn diện, đồng bộ; tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan nhằm thu hút, khuyến khích đầu tư hạ tầng kỹ thuật, nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ để phát triển chăn nuôi hiện đại, theo chuỗi khép kín, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của ngành chăn nuôi.

- Tín dụng đầu tư phát triển: Nhà nước cho vay đầu tư dự án phát triển giống vật nuôi, cơ sở giết mổ, bảo quản, chế biến sản phẩm chăn nuôi theo hướng công nghiệp và công nghệ cao.

- Đề nghị các ngân hàng thương mại tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân vay vốn theo chính sách ưu đãi của nhà nước để đầu tư con giống, cơ sở vật chất, đổi mới công nghệ, phát triển chăn nuôi và giết mổ, bảo quản, chế biến công nghiệp theo quy định; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ quy định, điều kiện của địa phương để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các dự án đầu tư phát triển chăn nuôi, giết mổ, bảo quản, chế biến công nghiệp các sản phẩm chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

- Thúc đẩy nhanh việc phát triển và nhân rộng các chuỗi liên kết trong chăn nuôi và nâng cao hiệu quả hỗ trợ, nhất là đối với khu vực chăn nuôi nông hộ thông qua khuyến khích hình thức hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác đầu tư vào chăn nuôi có gắn kết với các trang trại, hộ chăn nuôi.

- Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học hoặc cơ sở giết mổ, bảo quản, chế biến gia súc, gia cầm tập trung, công nghiệp được hưởng các chính sách ưu đãi cao nhất về thuế theo quy định.

- Hoàn thiện và thực hiện có hiệu quả chính sách bảo hiểm vật nuôi nhằm hạn chế thấp nhất rủi ro về thiên tai, dịch bệnh, thị trường theo nguyên tắc: Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần, người chăn nuôi tham gia đóng góp và huy động các nguồn hợp pháp khác.

c) Chính sách thương mại

- Tổ chức lại hệ thống tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi gắn với các chuỗi liên kết. Các địa phương, trung tâm mua bán, siêu thị, chợ đầu mối và các chương trình bình ổn, xúc tiến thương mại ưu tiên tạo điều kiện thuận lợi cho việc giới thiệu và tiêu thụ các sản phẩm chăn nuôi có thương hiệu, gắn với các chuỗi liên kết, có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm cho người chăn nuôi.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng chợ đầu mối, sàn giao dịch thương mại điện tử nhằm giới thiệu, quảng bá, đấu giá giống vật nuôi và sản phẩm chăn nuôi.

d) Khuyến nông và thông tin tuyên truyền

- Đẩy mạnh chương trình khuyến nông chăn nuôi theo chuỗi khép kín, kinh tế tuần hoàn, bảo đảm người chăn nuôi có thể làm chủ được kỹ thuật để sản xuất sản phẩm chăn nuôi an toàn và hiệu quả, chuyển giao quy trình, công nghệ chăn nuôi cho nông hộ, trang trại phù hợp với từng đối tượng vật nuôi và vùng sinh thái.

- Đa dạng hóa các chương trình truyền thông nhằm từng bước thay đổi nhận thức và các thói quen không phù hợp trong chăn nuôi, giết mổ, chế biến và tiêu dùng sản phẩm chăn nuôi.

2. Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường

- Triển khai có hiệu quả việc xây dựng bản đồ dịch tễ để kiểm soát các loại dịch bệnh nguy hiểm và dịch bệnh mới phát sinh, chủ động trong công tác phòng, chống dịch bệnh.

- Đẩy mạnh việc tổ chức thực hiện các hoạt động: Tiêm phòng, vệ sinh tiêu độc, sát trùng, vệ sinh môi trường, sử dụng các chế phẩm sinh học nhằm phục vụ công tác kiểm soát, khống chế dịch bệnh; nhất là các dịch bệnh nguy hiểm trong chăn nuôi như: Cúm gia cầm, lở mồm long móng, dịch tả heo Châu Phi và các bệnh nguy hiểm khác.

- Phát triển công nghệ chuồng trại hiện đại phù hợp với từng loại vật nuôi và loại hình chăn nuôi đáp ứng yêu cầu sinh trưởng, phát triển vật nuôi và bảo vệ môi trường.

- Phát triển các loại công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi gắn với sản xuất phân bón hữu cơ, chế biến chế phẩm nuôi trồng thủy sản góp phần thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong chăn nuôi.

- Kết hợp giữa nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp và người chăn nuôi triển khai xây dựng cơ sở, vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường nhất là ở các vùng trọng điểm chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

- Đầu tư nâng cấp, hoàn thiện hệ thống kiểm dịch động vật, truy xuất nguồn gốc; trong đó, chú trọng kiểm dịch động vật nhập tỉnh, bảo đảm hiệu quả cho công tác kiểm soát dịch bệnh vừa tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông giống vật nuôi, sản phẩm chăn nuôi; thúc đẩy phát triển chăn nuôi và cung ứng con giống, thực phẩm cho thị trường.

3. Khoa học công nghệ và hợp tác

- Nghiên cứu xây dựng và áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong quản lý và kiểm soát chất lượng sản phẩm chăn nuôi; đầu tư và xã hội hóa đầu tư hoàn thiện hệ thống khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định, đánh giá, công nhận sự phù hợp chất lượng giống, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi nhằm đưa nhanh giống mới, vật tư chăn nuôi, thú y có chất lượng tốt phục vụ sản xuất.

- Nghiên cứu phát triển các mô hình sản xuất tuần hoàn, áp dụng công nghệ cao trong chăn nuôi; đẩy nhanh việc nghiên cứu ứng dụng công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và công nghệ hiện đại khác trong quản lý nhà nước và quản trị sản xuất các lĩnh vực của ngành chăn nuôi.

- Tăng cường đầu tư và xã hội hóa hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ trong chăn nuôi, thú y theo hướng kết hợp nghiên cứu cơ bản với nghiên cứu ứng dụng. Trong đó, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ vào sản xuất. Ưu tiên, khuyến khích nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sinh học vào lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, quản lý sử dụng vắc xin, nhận dạng, truy xuất động vật, giết mổ, chế biến, phòng, chống dịch bệnh và xử lý môi trường chăn nuôi.

- Tăng cường hợp tác trong nghiên cứu khoa học, đào tạo và thương mại về chăn nuôi và thú y với các Trường Đại học, các Viện nghiên cứu về chăn nuôi, thú y, các tỉnh có tiềm năng và thị trường tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi của tỉnh.

4. Nâng cao năng suất, chất lượng giống vật nuôi

- Cùng với việc nhập nội bổ sung các nguồn giống cao sản, giống chất lượng, tập trung phục tráng, nhân thuần các giống bản địa có nguồn gen tốt cung cấp vật liệu di truyền để nhân giống, lai tạo giống phù hợp với nhu cầu sản xuất cho tiêu dùng trong tỉnh.

- Chọn tạo nâng cao năng suất, chất lượng, sự đồng nhất về sản phẩm của các giống vật nuôi trong sản xuất phù hợp với từng vùng, từng phương thức chăn nuôi và phân khúc thị trường; hỗ trợ tích cực cho chương trình xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, sản phẩm chăn nuôi sản xuất theo chuỗi và truy xuất được

nguồn gốc. Đẩy mạnh ứng dụng các tiên bộ kỹ thuật, công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sinh học vào trong chăn nuôi.

- Tiếp tục chương trình cải tiến nâng cao tầm vóc đàn bò theo hướng Zebu hóa trên cơ sở phát triển nhanh mạng lưới thụ tinh nhân tạo và sử dụng bò đực giống tốt đã qua chọn lọc, cho nhân giống ở những nơi chưa có điều kiện triển khai biện pháp thụ tinh nhân tạo.

Chọn lọc trong sản xuất các giống bò Zebu, bò sữa cao sản và nhập nội bổ sung một số giống bò có khả năng thích nghi với điều kiện sinh thái trong tỉnh để tạo đàn cái nền phục vụ cho lai tạo giống bò sữa và bò thịt chất lượng cao, cung cấp bê đực cho nuôi vỗ béo bò thịt. Nhập bổ sung tinh bò thịt cao sản, bò sữa năng suất cao để phục vụ phát triển đàn bò của tỉnh.

- Quản lý giống heo, giống gia cầm theo mô hình tháp giống gắn với từng vùng sản xuất, từng thương hiệu sản phẩm. Bảo đảm mỗi thương hiệu sản phẩm đặc thù, được sản xuất từ một tháp giống tương thích:

+ Chọn lọc, nhân thuần, nâng cao, cải tiến năng suất, chất lượng đàn gia súc, gia cầm.

+ Xây dựng và sử dụng các công thức lai giống phù hợp cho từng vùng sản xuất, phương thức chăn nuôi và phân khúc thị trường bảo đảm có số lượng sản phẩm đủ lớn và đồng nhất về chất lượng đáp ứng cho tiêu dùng trong và ngoài tỉnh.

+ Củng cố, nâng cao mạng lưới hoạt động gieo tinh nhân tạo cho heo; tiêu chuẩn hóa các cơ sở chất lượng heo đực giống; đực giống sử dụng trong các trạm sản xuất tinh nhân tạo nhất thiết phải được kiểm tra năng suất trước khi khai thác tinh thương phẩm. Hàng năm, tỉnh sẽ tổ chức đánh giá, bình tuyển chất lượng đối với đàn đực giống hoạt động dịch vụ phối giống trực tiếp, nhằm loại thải những đực giống kém chất lượng, không có lý lịch, nguồn gốc rõ ràng.

5. Nâng cao chất lượng, hạ giá thành thức ăn chăn nuôi

- Tăng cường công tác kiểm soát chất lượng, nhất là các chỉ tiêu an toàn đối với thức ăn chăn nuôi; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu nâng cao giá trị dinh dưỡng, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nguyên liệu thức ăn chăn nuôi. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư áp dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sinh học nhằm sản xuất nhanh các chế phẩm sinh học thay thế kháng sinh, hóa chất sử dụng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thay thế nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

- Khuyến khích phát triển các mô hình chế biến các loại thức ăn chăn nuôi hữu cơ bằng công nghệ, thiết bị nghiền trộn nhỏ và cơ động phù hợp với loại hình chăn nuôi nông hộ, hợp tác xã; mô hình thâm canh trồng cỏ kết hợp chế biến để chăn nuôi và vỗ béo các loại gia súc ăn cỏ.

6. Nâng cao năng lực giết mổ và chế biến sản phẩm chăn nuôi

- Tổ chức lại hệ thống giết mổ và chế biến gia súc, gia cầm theo hướng tập trung, công nghiệp gắn với vùng chăn nuôi hàng hoá, bảo đảm yêu cầu về vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và đối xử nhân đạo với vật nuôi.

- Triển khai các chính sách khuyến khích phát triển hoạt động giết mổ tập trung, công nghiệp; tăng cường các biện pháp quản lý đối với công tác giết mổ, nhất là các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ, thủ công không bảo đảm vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm.

- Khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến các sản phẩm chăn nuôi hiện có tại các địa phương nhằm đa dạng hóa và nâng cao giá trị sản phẩm chăn nuôi phù hợp với nhu cầu của thị trường tiêu thụ trong và ngoài tỉnh.

7. Đào tạo nguồn nhân lực

- Xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ chăn nuôi, thú y các cấp, nhất là cấp cơ sở. Chú trọng đào tạo kỹ năng quản trị, kỹ thuật chăn nuôi, quản lý dịch bệnh và an toàn thực phẩm cho người chăn nuôi thông qua các chương trình dạy nghề, hoạt động khuyến nông.

- Rà soát thực trạng, trang bị phương tiện cần thiết cho các cơ quan thực hiện công tác chuyên ngành trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y.

8. Phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành chăn nuôi

- Đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 04/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản và cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp.

- Khuyến khích ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong quản lý ngành và quản trị hoạt động kinh doanh chăn nuôi, nhất là các phần mềm tin học phù hợp với đặc thù của chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ và chăn nuôi nông hộ ở nước ta.

- Khuyến khích ứng dụng công nghiệp cơ khí, hóa chất và công nghệ sinh học để cung cấp các thiết bị chuồng trại, giết mổ, chế biến, các loại hóa chất, chế phẩm sinh học thay thế nguồn nhập khẩu.

9. Đổi mới tổ chức sản xuất

- Tổ chức sản xuất các ngành hàng sản phẩm chăn nuôi theo hướng chuyên môn hóa, hiện đại và hiệu quả gắn với các chuỗi liên kết; trong đó, phát huy vai trò chủ đạo của doanh nghiệp, hiệp hội và hợp tác xã.

- Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp, tập đoàn lớn đủ khả năng đầu tư vào ngành chăn nuôi theo chuỗi khép kín và hỗ trợ, dẫn dắt người chăn nuôi sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường. Chú trọng củng cố và phát triển mô hình hợp tác xã kiểu mới trong lĩnh vực chăn nuôi làm cầu nối giữa các nông hộ, trang trại với các doanh nghiệp lớn và thị trường.

- Củng cố lại tổ chức hội chăn nuôi và thú y với tổ chức và phương thức hoạt động phù hợp với nền kinh tế thị trường. Hội chăn nuôi và thú y là đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên, là đầu mối tạo diễn đàn kết nối các nhà quản lý, khoa học, doanh nghiệp và người chăn nuôi trong và ngoài tỉnh.

10. Tăng cường năng lực quản lý nhà nước ngành chăn nuôi, thú y

- Kiện toàn, tăng cường năng lực tổ chức bộ máy và cơ chế, chính sách quản lý ngành chăn nuôi, thú y tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh và quy định của pháp luật.

- Hoạt động chăn nuôi, thú y là hoạt động sản xuất, kinh doanh có điều kiện, cơ sở có hoạt động chăn nuôi, thú y phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về môi trường, an toàn sinh học và đối xử nhân đạo với vật nuôi.

- Thay đổi cách tiếp cận về phương thức quản lý sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm để người sản xuất, kinh doanh chủ động trong việc kiểm soát chất lượng, an toàn sản phẩm của mình trước khi đưa ra thị trường.

- Xã hội hóa các dịch vụ công về chăn nuôi, thú y để mọi thành phần kinh tế có đủ điều kiện có thể tham gia nhằm công khai, minh bạch các hoạt động quản lý, giám áp lực về biên chế, ngân sách nhà nước và cung cấp cho người dân chất lượng dịch vụ tốt nhất.

IV. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN CHỦ YẾU

1. Thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Tiếp tục thực hiện Dự án Phát triển chăn nuôi bò thịt trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

3. Tiếp tục thực hiện Dự án Phát triển chăn nuôi bò sữa trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

4. Tiếp tục thực hiện Dự án cải tiến chất lượng đàn heo trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

5. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh hoạt động khoa học và công nghệ, khuyến nông trong chăn nuôi và tăng cường năng lực quản lý nhà nước ngành chăn nuôi.

6. Phát triển công nghiệp chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi.

7. Phát triển công nghiệp giết mổ, chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí lồng ghép từ các chương trình, dự án.

- Dự toán ngân sách địa phương hàng năm, đơn vị theo phân cấp ngân sách hiện hành.

- Kinh phí huy động từ các tổ chức, doanh nghiệp, các hình thức hợp tác công tư.

- Các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch; tham mưu xây dựng các chương trình, đề án có liên quan; đề xuất, kiến nghị, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh hoạt động khoa học và công nghệ, khuyến nông trong chăn nuôi và tăng cường năng lực quản lý nhà nước ngành chăn nuôi.

- Phát triển công nghiệp chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi.

- Phát triển công nghiệp giết mổ, chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thiện các chính sách về đầu tư, tài chính để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu và nội dung của Kế hoạch.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng và triển khai các giải pháp, tăng cường nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ phát triển chăn nuôi theo định hướng của Kế hoạch.

4. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai các chính sách, giải pháp thúc đẩy thị trường, xúc tiến thương mại cho sản phẩm chăn nuôi.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các địa phương lập phương án, kế hoạch sử dụng đất, bố trí quỹ đất cho chăn nuôi và chính sách về đất đai cho tổ chức, cá nhân thuê đất phát triển chăn nuôi, xây dựng cơ sở giết mổ, bảo quản, chế biến công nghiệp và kiểm soát ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng và chỉ đạo triển khai các chương trình đào tạo nghề, chuyển đổi nghề cho người chăn nuôi và chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề cho những người chăn nuôi không còn khả năng chăn nuôi hoặc có nhu cầu chuyển đổi sang lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác thuận lợi hơn.

7. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng triển khai kịp thời các chính sách tín dụng liên quan đến hoạt động phát triển chăn nuôi theo chỉ đạo của địa phương (nếu có) để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu và nội dung của Kế hoạch.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh

Tích cực phối hợp các ngành chức năng và địa phương cùng cấp tổ chức tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, người chăn nuôi thực hiện tốt quy định cấm chăn nuôi trong khu vực nội thành, nội thị, vùng nuôi chim yến theo quy

định; từng bước thay đổi nhận thức và các thói quen không phù hợp trong chăn nuôi, giết mổ, chế biến và tiêu dùng sản phẩm chăn nuôi.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Tổ chức xây dựng và thực hiện Kế hoạch phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 phù hợp với điều kiện địa phương.

Trên đây là Kế hoạch triển khai chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này, định kỳ trước ngày 01/12 hàng năm gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; trường hợp gặp khó khăn, vướng mắc hoặc cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế, báo cáo, đề xuất gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Bộ NN & PTNT;
- Cục Chăn nuôi;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể;
- Các sở, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PT-THST, Báo ST;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vương Quốc Nam